

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2016

Đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	31/12/2016	01/01/2016
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	82.358.879.336	68.012.812.141
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.446.779.197	4.388.999.943
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	48.751.973.764	40.940.578.529
4	Hàng tồn kho	26.507.484.684	22.179.957.006
5	Tài sản ngắn hạn khác	652.641.691	503.276.663
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	55.783.030.611	36.997.393.254
1	Các khoản phải thu dài hạn	530.670.000	
2	Tài sản cố định	51.269.953.040	32.802.425.003
	- Tài sản cố định hữu hình	31.511.846.921	32.802.425.003
	* Nguyên giá	70.252.243.977	67.074.298.522
	* Giá trị hao mòn lũy kế	-38.740.397.056	-34.271.873.519
	- Tài sản cố định thuê tài chính	19.758.106.119	
	* Nguyên giá	20.467.714.112	
	* Giá trị hao mòn lũy kế	-709.607.993	
	- Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
5	Tài sản dài hạn khác	3.982.407.571	4.194.968.251
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	138.141.909.947	105.010.205.395
III	NỢ PHẢI TRẢ	54.197.597.931	44.571.323.434
1	Nợ ngắn hạn	41.789.500.829	44.571.323.434
2	Nợ dài hạn	12.408.097.102	
IV	VỐN CHỦ SỞ HỮU	83.944.312.016	60.438.881.961
1	Vốn chủ sở hữu	83.944.312.016	60.438.881.961
	- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	30.000.000.000	20.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	2.004.650.000	2.004.650.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	38.362.557.691	38.434.231.961
	- Quỹ dự phòng tài chính		
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
	- Lợi nhuận chưa phân phối	13.577.104.325	
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	138.141.909.947	105.010.205.395

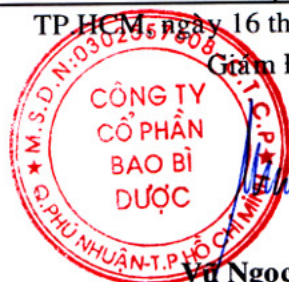


STT	NỘI DUNG	31/12/2016	01/01/2016
II	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2015
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.923.937.725	127.541.316.116
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	520.380.541	458.180.304
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.403.557.184	127.083.135.812
4	Giá vốn hàng bán	104.126.005.994	93.635.359.315
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.277.551.190	33.447.776.497
6	Doanh thu hoạt động tài chính	41.463.887	86.418.688
7	Chi phí tài chính	1.071.190.251	540.581.084
8	Chi phí bán hàng	7.480.329.474	8.736.137.209
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.594.496.158	8.826.811.824
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.172.999.194	15.430.665.068
11	Thu nhập khác	2.878.093.846	982.087.026
12	Chi phí khác	812.065.853	193.643.096
13	Lợi nhuận khác	2.066.027.993	788.443.930
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.239.027.187	16.219.108.998
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.661.922.862	4.984.100.872
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.577.104.325	11.235.008.126
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.082	4.870
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	16%	18%

III	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN		
STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2015
I	Cơ cấu tài sản		
1	- Tài sản cố định/Tổng tài sản (%)	40,38	35,23
2	- Tài sản lưu động/Tổng tài sản (%)	59,62	64,77
II	Cơ cấu nguồn vốn		
1	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	39,23	42,44
2	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	60,77	57,56
III	Khả năng thanh toán		
1	- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,12	0,10
2	- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,52	1,53
IV	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
1	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản (%)	12,48	15,45
2	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	9,88	8,84
3	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (%)	16,17	18,59

TP HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2017

Giám Đốc



Vũ Ngọc Nam